

DUYỆT CỦA BGH
Ngày.... tháng năm.....

Ngày soạn: 17/10/2016

Ngày dạy : 04/11/2016

TUẦN : 12

Thứ hai ngày 14 tháng 11 năm 2016

Tiết :1

SINH HOẠT DƯỚI CỜ

Tiết 2 + 3

PHÂN MÔN : TẬP ĐỌC

BÀI : SỰ TÍCH CÂY VÚ SỮA

I. MỤC TIÊU

- Biết ngắt nghỉ hơi đúng ở câu có nhiều dấu phẩy.
- Hiểu ND :Tình cảm yêu thương sâu nặng của mẹ dành cho con.
(trả lời được CH 1,2,3,4)

HS trung bình, yếu trả lời được ít nhất: CH 1,2 trong SGK

HS khá giỏi, trả lời được các CH 1,2,3,4,5 trong SGK

KNS: - GD tình cảm đẹp đẽ với cha mẹ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

GV: Tranh minh hoạ

- HS: SGK

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. Ổn định lớp 2. Kiểm tra bài cũ: Gọi HS lên bảng đọc bài và trả lời câu hỏi <ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ tả về hình ảnh đẹp của cây xoài- GV nhận xét.	HS lên bảng đọc bài và trả lời câu hỏi
3. <u>Bài mới</u> :	

<p>* <u>Giới thiệu bài:</u> Cả lớp quan sát tranh và cho biết đây là loại quả gì ? Vú sữa là loại trái cây rất thơm ngon của Miền Nam , vì sao có loại cây này ? truyện sự tích cây vú sữa sẽ giải thích nguồn gốc của loại cây ăn quả rất đặc biệt này</p> <p>❖ <u>Hoạt động 1: Luyện đọc</u> + MT : <i>Đọc đúng từ khó. Nghỉ hơi câu dài. Hiểu nghĩa từ ở đoạn 1.</i> + <u>Cách tiến hành:</u>..</p> <p>a) <u>Đọc mẫu:</u> - GV đọc mẫu lần 1, chú ý giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết, nhấn giọng ở các từ gọi tả. b) <u>Luyện phát âm từ khó, dễ lẫn.</u> - GV cho HS đọc các từ cần luyện phát âm đã ghi trên bảng phụ.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc từng câu. Nghe và chỉnh sửa lỗi phát âm cho HS. c) <u>Hướng dẫn ngắt giọng</u> - Giới thiệu các câu cần luyện giọng, cho HS tìm cách đọc sau đó luyện đọc.</p> <p>d) <u>Đọc từng đoạn.</u> - Yêu cầu HS đọc nối tiếp theo đoạn. Lần 1 dừng lại ở cuối mỗi đoạn để giải nghĩa từ khó. Khi giải nghĩa. GV đặt câu hỏi trước cho HS trả lời, sau đó mới giải thích chính xác lại nghĩa các từ hoặc cụm từ đó (đã giới thiệu ở phần mục tiêu). Lần 2 yêu cầu 4 HS đọc liền nhau. - Yêu cầu HS đọc các từ chú giải trong SGK - Chia nhóm và yêu cầu đọc từng đoạn trong nhóm. e) <u>Thi đọc.</u> g) <u>Đọc đồng thanh.</u></p> <p>5. <u>Củng cố – Dặn dò</u> - Cho HS đọc lại cả bài.</p>	<p>Quả vú sữa</p> <p>- Hoạt động lớp, cá nhân. - 1 HS đọc mẫu lần 2. Cả lớp nghe và theo dõi trong SGK.</p> <p>- Đọc các từ chẳng nghĩ , trở ra , vú sữa , xuất hiện , căng mịn , đỏ hoe, ngó ánh - Nối tiếp nhau đọc từng câu trong bài. Mỗi HS chỉ đọc 1 câu.</p> <p>- Tìm cách đọc và luyện đọc các câu Một hôm , /vừa đói vừa rét ,/ lại bị trẻ lớn hơn đánh ,/ cậu mới nhớ đến mẹ ,/ liền tìm đường về nhà.// Hoa tàn ,/ quả xuất hiện ,/ lớn nhanh ,/ da căng mịn ,/ xanh óng ánh , rồi chín .// Môi cậu vừa chạm vào ,/ một dòng sữa trắng trào ra,/ ngọt thơm như sữa mẹ.// - Nối tiếp nhau đọc theo đoạn. + HS 1: Ngày xưa ... chờ mong + HS 2: Không biết ... như mây + HS 3: Hoa rụng ... vỹ vè. + HS 4: Trái cây thơm ... cây vú sữa.</p> <p>- HS đọc từ chú giải - Luyện đọc theo nhóm. - HS thi đọc - Cả lớp đọc đồng thanh đoạn 2.</p>
---	--

<p>- Tổng kết giờ học, tuyên dương các em học tốt. Nhắc nhở, phê bình các em chưa chú ý. Chuẩn bị học tiết 2</p> <p style="text-align: center;">(Tiết 2)</p> <p>❖ <u>Hoạt động 2</u>: Tìm hiểu bài. +MT : <i>Hiểu nội dung bài.</i> + <u>Cách tiến hành</u>:..</p> <p>Yêu cầu HS đọc đoạn 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CH1: Vì sao cậu bé bỏ nhà ra đi? - Yêu cầu HS đọc tiếp đoạn 2. - Vì sao cậu bé quay trở về? - CH2: Khi trở về nhà, không thấy mẹ, cậu bé đã làm gì? - CH3: Chuyện lạ gì đã xảy ra khi đó? - CH4: Những nét ở cây gợi lên hình ảnh của mẹ? - CH5: Theo em tại sao mọi người lại đặt cho cây lạ tên là cây vú sữa? - Câu chuyện đã cho ta thấy được tình yêu thương của mẹ dành cho con. Để người mẹ được động viên an ủi, em hãy giúp cậu bé nói lời xin lỗi với mẹ. <p>→ GV nhận xét chốt ý.</p> <p>* Luyện đọc lại Yêu cầu HS nhận biết các nhân vật trong câu chuyện và đọc bài</p> <p>5. <u>Củng cố – Dặn dò</u> Cho HS đọc lại cả bài.</p> <p>Tổng kết giờ học, tuyên dương các em học tốt. Nhắc nhở, phê bình các em chưa chú ý. <i>Giáo dục học sinh phải biết hiếu thảo và nghe lời cha mẹ...</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - - Chuẩn bị bài cho tiết học sau 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động lớp, cá nhân. <p>Đọc thầm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cậu bé bỏ nhà ra đi vì cậu bị mẹ mắng. - Đọc thầm. - Vì cậu vừa đói, vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh. - Cậu khản tiếng gọi mẹ rồi ôm lấy một cây xanh trong vườn mà khóc. - Cây xanh run rẩy, từ những cành lá, những đài hoa bé tí trở ra, nở trắng như mây. Hoa rụng, quả xuất hiện lớn nhanh, da căng mịn. Cậu vừa chạm môi vào, một dòng sữa trắng trào ra ngọt thơm như sữa mẹ. - Lá cây đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cây xoè cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về. - Vì trái cây chín, có dòng nước trắng và ngọt thơm như sữa mẹ. - Một số HS phát biểu. VD: Mẹ ơi, con đã biết lỗi rồi. Mẹ hãy tha lỗi cho con. Từ nay con sẽ chăm ngoan để mẹ vui lòng./ Con xin lỗi mẹ, từ nay con sẽ không bỏ đi chơi xa nữa. Con sẽ ở nhà chăm học, chăm làm. Mẹ hãy tha lỗi cho con... <p>HS tự phân vai và đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thi đua đọc.
--	--

Bài dạy : TÌM SỐ BỊ TRỪ

I. MỤC TIÊU:

- Biết tìm x trong các bài tập dạng: $x - a = b$ (với a,b là các số có không qua hai chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính (Biết cách tìm số bị trừ khi biết hiệu và số trừ).
- Vẽ được đoạn thẳng, xác định điểm là giao của hai đoạn thẳng cắt nhau và đặt tên điểm đó.
- Bài tập cần làm: Bài 1 (a,b,d,e), 2 (cột 1,2,3), 4.

HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 1 (a,b,d,e), 2 (cột 1,2,3)

HS khá giỏi, làm được các bài 1 (a,b,d,e), 2 (cột 1,2,3), 4

II. CHUẨN BỊ

- GV: Tờ bìa (giấy) kẻ 10 ô vuông như bài học, kéo
- HS: Vở, bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS					
<p>1. Ôn định lớp</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u> Luyện tập.</p> <p style="margin-left: 20px;">- Bài 4:</p> <p style="margin-left: 40px;">Số con gà có là :</p> <p style="margin-left: 40px;">$42 - 18 = 24$ (con)</p> <p style="margin-left: 40px;">Đáp số: 24 con.</p> <p style="margin-left: 20px;">- GV nhận xét</p> <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>❖ <u>Hoạt động 1</u>: Tìm số bị trừ</p> <p>+MT : <i>Biết cách tìm số bị trừ trong phép trừ khi biết hiệu và số trừ.</i></p> <p>+ <u>Cách tiến hành</u>:</p> <p>* Bước 1: Thao tác với đồ dùng trực quan</p> <p><u>Bài toán 1</u>:</p> <p>- Có 10 ô vuông (đưa ra mảnh giấy có 10 ô vuông). Bớt đi 4 ô vuông (dùng kéo cắt ra 4 ô vuông). Hỏi còn bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Làm thế nào để biết còn lại 6 ô vuông?</p> <p>- Hãy nêu tên các thành phần và kết quả trong phép tính: $10 - 4 = 6$ (HS nêu, GV gắn nhanh thẻ ghi tên gọi)</p> <p><u>Bài toán 2</u>: Có một mảnh giấy được cắt làm hai phần. Phần thứ nhất có 4 ô vuông. Phần thứ hai có 6 ô vuông. Hỏi lúc đầu tờ giấy có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>* Bước 2: Giới thiệu kỹ thuật tính</p> <p>- Gọi số ô vuông ban đầu chưa biết là x. Số ô vuông bớt đi là 4. Số ô vuông còn lại là 6. Hãy đọc cho cô phép tính tương ứng để tìm số ô vuông còn lại.</p> <p>- Để tìm số ô vuông ban đầu chúng ta làm gì</p>	<p>Học sinh làm bài</p> <p style="margin-top: 100px;">- Hoạt động lớp.</p> <p style="margin-top: 20px;">- Còn lại 6 ô vuông</p> <p style="margin-top: 5px;">- Thực hiện phép tính $10 - 4 = 6$</p> <div style="margin-top: 5px; text-align: center;"> <table style="margin: auto; border: none;"> <tr> <td style="text-align: center; padding: 0 10px;">$\frac{10}{\text{Số bị trừ}}$</td> <td style="text-align: center; padding: 0 10px;">-</td> <td style="text-align: center; padding: 0 10px;">$\frac{4}{\text{Số trừ}}$</td> <td style="text-align: center; padding: 0 10px;">=</td> <td style="text-align: center; padding: 0 10px;">$\frac{6}{\text{Số hiệu}}$</td> </tr> </table> </div> <p style="margin-top: 20px;">- Lúc đầu tờ giấy có 10 ô vuông.</p>	$\frac{10}{\text{Số bị trừ}}$	-	$\frac{4}{\text{Số trừ}}$	=	$\frac{6}{\text{Số hiệu}}$
$\frac{10}{\text{Số bị trừ}}$	-	$\frac{4}{\text{Số trừ}}$	=	$\frac{6}{\text{Số hiệu}}$		

? Khi HS trả lời, GV ghi lên bảng $x = 6 + 4$.

- Số ô vuông ban đầu là bao nhiêu?
- Yêu cầu HS đọc lại phần tìm x trên bảng
- x gọi là gì trong phép tính $x - 4 = 6$?
- 6 gọi là gì trong phép tính $x - 4 = 6$?
- 4 gọi là gì trong phép tính $x - 4 = 6$?
- Vậy muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?
 - Yêu cầu HS nhắc lại.

❖ Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành
+MT :*Ap dụng cách tìm số bị trừ để giải các bài tập có liên quan*

.+ Cách tiến hành:

Bài 1: Tìm x ?

Yêu cầu HS tự làm bài vào vở bài tập. 3 HS lên bảng làm bài.

Gọi HS nhận xét bài bạn.

a) Tại sao $x = 8 + 4$?

b) Tại sao $x = 18 + 9$?

→ GV nhận xét chốt ý.

Bài 2: Điền số

Cho HS nhắc lại cách tìm hiệu, tìm số bị trừ trong phép trừ sau đó yêu cầu các em tự làm bài. → GV cho HS sửa bài nhận xét.

Bài 3: (*HS về nhà làm*)

Bài 4: Vẽ đoạn thẳng

Yêu cầu HS tự vẽ, tự ghi tên điểm.

Có thể hỏi thêm:

+ Cách vẽ đoạn thẳng qua hai điểm cho trước.

+ Chúng ta dùng gì để ghi tên các điểm.

→ GV nhận xét ghi bảng.

5. Củng cố – Dẫn dò

- Yêu cầu HS nêu thành phần tên gọi

- Thực hiện phép tính $4 + 6 = 10$

- Là 10

- Là số bị trừ

- Là hiệu

- Là số trừ

- Lấy hiệu cộng với số trừ

- Nhắc lại qui tắc

- Hoạt động cá nhân.

- HS nêu yêu cầu bài .

- Làm bài tập

- 3 HS lần lượt trả lời:

+ Vì x là số bị trừ trong phép trừ $x - 4 = 8$, 8 là hiệu, 4 là số trừ. Muốn tính số bị trừ ta lấy hiệu cộng số trừ (2 HS còn lại trả lời tương tự)

a/

$$x - 4 = 8$$

$$x = 8 + 4$$

$$x = 12$$

b/

$$x - 9 = 18$$

$$x = 18 + 9$$

$$x = 27$$

d/

$$x - 8 = 24$$

$$x = 24 + 8$$

$$x = 32$$

e/

$$x - 7 = 21$$

$$x = 21 + 7$$

$$x = 28$$

- HS tự làm bài. 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.

SBT	11	21	49
ST	4	12	34
H	7	9	15

Bài 3: (*HS về nhà làm*)

Bài 4

- HS nêu yêu cầu bài toán.

HS lên bảng giải toán và nêu cách tìm một số hạng chưa biết

HS giải vào nháp theo cặp đôi

Nhận xét

